

VỀ NHỮNG ĐẶC TRƯNG CƠ BẢN CỦA TRI THỨC

PHẠM VĂN CHUNG (*)

Trong bài viết này, tác giả đã đưa ra và phân tích một số đặc trưng cơ bản của tri thức. Đó là, 1/ tri thức là một dạng thái tinh thần; 2/ tri thức là hình thức cao nhất của sự tiến hóa các hình thức phản ánh; 3/ tri thức là kết quả của nhận thức; 4/ tri thức với tư cách là thông tin; 5/ tri thức là sự biểu hiện, khẳng định bản chất con người. Những đặc trưng đó tuy chưa nói hết được những thuộc tính, những mặt của tri thức, song chúng cũng đã cho thấy tính chất nhiều chiều, đa dạng của tri thức – một đối tượng nghiên cứu hết sức phức tạp.

Nhien nay, vấn đề tri thức đang được quan tâm nghiên cứu sâu sắc cả về phương diện triết học lẫn nhận thức khoa học nói chung. Điều đó không chỉ do yêu cầu của kinh tế tri thức, mà còn do sự phát triển mạnh mẽ của khoa học và công nghệ, đặc biệt là công nghệ thông tin. Trong nghiên cứu tri thức, một khía cạnh nổi lên, đó là xác định *bản chất tri thức* hay định nghĩa khái niệm *tri thức*. Đây là vấn đề rất khó và phức tạp, nhất là khi muốn đưa khái niệm này vào một luận điểm ngắn gọn, duy nhất nào đó. Tuy nhiên, như mọi đối tượng, tri thức cũng có bản chất của nó, không những thế, có bản chất cấp một, cấp hai, cấp ba v.v., nghĩa là có thể xác định tri thức về mặt khái niệm. Để hướng đến nắm bắt bản chất tri thức, trước hết chúng tôi xem xét những đặc trưng cơ bản của tri thức. Những đặc trưng này là những khía cạnh cấu thành, là sự biểu hiện bản chất tri thức ở những mức độ, trình độ nhất định.

Tri thức là một thành phần của nhận thức, của toàn bộ đời sống tinh thần, ý thức con người nói chung. Tri thức liên quan đến mọi tồn tại, hoạt động của con người, xã hội và có những cơ sở tự nhiên nhất định của nó. Vì thế, việc vạch ra

những đặc trưng của tri thức, nghĩa là vạch ra những thuộc tính, yếu tố, mặt hay quá trình nổi bật của tri thức, giúp phân biệt tri thức không chỉ với những hiện tượng, quá trình vốn rất phong phú, đa dạng của nhận thức, ý thức con người, mà còn với những sự vật, hiện tượng khác nhau của hiện thực khách quan. Việc xem xét những đặc trưng của tri thức có thể được hiểu như một “định nghĩa” khái niệm tri thức theo lối mô tả những yếu tố, khía cạnh bản chất của nó và sự mô tả này thể hiện tính trật tự, logic nhất định trong biểu hiện bản chất tri thức. Mỗi đặc trưng của tri thức sẽ được vạch ra dựa trên một hoặc những quan điểm xem xét nhất định, trong đó có quan điểm cơ bản, làm nền tảng của toàn bộ sự xem xét. Việc chỉ ra những đặc trưng của tri thức dưới đây sẽ mang nội dung và ý nghĩa như vậy.

1. Tri thức là một dạng thái tinh thần

Phải thấy ngay rằng việc nhận thức bản chất của tri thức sẽ trở nên hỗn độn, khó xác định, nếu trước hết không thừa nhận tri thức là *một dạng thái nhất định của tinh thần*, là “hình ảnh chủ quan của

(*) Tiến sĩ, Khoa Triết học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

thế giới khách quan”(1). Như thế, quan điểm phản ánh luận duy vật mácxít trong xác định những đặc trưng của tri thức phải được coi là quan điểm nền tảng của mọi sự xem xét, nghĩa là những đặc trưng khác của tri thức được xem xét trên cơ sở thừa nhận đặc trưng được vạch ra bởi quan điểm này.

Mặc dù trong các tài liệu triết học mácxít, khái niệm tri thức hầu như chưa được đề cập đến một cách chính diện, nhưng những quan niệm, định nghĩa về ý thức, nhận thức nói chung theo quan điểm phản ánh luận duy vật mácxít, vẫn có thể cho phép hiểu rằng, ở đây quan niệm về bản chất tri thức với tư cách là một dạng thái tinh thần, là “hình ảnh chủ quan của thế giới khách quan”, cũng đã bao hàm trong những quan niệm, định nghĩa về ý thức và nhận thức. Đây là một trong những luận điểm tiêu biểu của triết học Mác về ý thức: “ý niệm chẳng qua chỉ là vật chất được di chuyển vào trong đầu óc con người và được cải biến đi ở trong đó”(2). Luận điểm đó thể hiện rõ quan điểm duy vật khoa học về ý thức, cho thấy rõ ý thức là sự phản ánh hiện thực vật chất khách quan vào bộ óc người. Do đó, tri thức với tư cách thành phần của nhận thức và của ý thức, tất nhiên cũng được xem là cái phản ánh, cái tồn tại trong bộ óc người - chủ thể tri thức, phân biệt, đối lập với cái được phản ánh là hiện thực vật chất khách quan. Như vậy, tri thức là cái tinh thần, là “hình ảnh chủ quan của thế giới khách quan”. Với tư cách là cái tinh thần, tri thức phản ánh các đối tượng vật chất không phải bằng cách tái hiện đối tượng đó bằng những đặc tính vật chất như những phản ánh vô cơ, vật lý, mà bằng những đặc tính tự nhiên - xã hội tổng hợp, đặc trưng cho hoạt động và chức

năng phản ánh của bộ não người.

Quan niệm về tri thức như trên thể hiện cách nhìn duy vật về tri thức, nhấn mạnh đặc trưng *tinh thần* của tri thức, nhằm phân biệt nó với cái được phản ánh, tức là cái được đem vào nội dung của nó, để tránh nhầm lẫn tri thức với những hình thái vật thể, với thực tại khách quan nói chung. Đồng thời, việc hiểu tri thức như vậy còn để phân biệt tri thức với các sản phẩm mà con người làm ra với tư cách sự vật hoá tri thức, biểu hiện tri thức. Thoạt nghe câu nói: “Không có sách thì không có tri thức”, người ta dễ ngộ nhận rằng tri thức chứa đựng trong sách. Nhưng thực ra chỉ khi nào chúng ta “đọc” sách thì từ hình thức đã vật hoá ấy, tri thức mới xuất hiện trở lại đúng trạng thái của nó, tức là trong đầu óc của chúng ta. Không những thế, trong đầu óc chúng ta tri thức không phải là cái mang nội dung phản ánh là những đối tượng được nói đến ở trong sách, mà là những đối tượng hiện thực khách quan được chúng ta liên tưởng, hình dung ra tương ứng với các đối tượng được nói đến trong sách. Do không hiểu được nguồn gốc của ý thức, tri thức con người, cho nên chủ nghĩa duy tâm Hêghen đã coi quá trình chuyển cái tri thức thành cái vật thể như là sự “thả hoá” của ý niệm nào đó thành tự nhiên và lịch sử; do đó, tự nhiên và lịch sử bị hiểu là những giai đoạn của ý niệm ấy.

Khẳng định tri thức là một dạng thái tinh thần, là “hình ảnh chủ quan của thế giới khách quan” là xác định đặc trưng

(1) Theo cách nói của V.I.Lênin: “Cảm giác là một hình ảnh chủ quan của thế giới khách quan”, V.I. Lênin, “Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán”, Nxb Tiến bộ, Mátxcơva, 1980, tr.138.

(2) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Toàn tập*, t.23. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1993, tr.35.

của tri thức theo quan điểm phản ánh luận duy vật mácxít. Đến nay, cách tiếp cận này đối với tri thức vẫn không hề lạc hậu. Người ta sẽ mất phương hướng và có thể rơi vào những sai lầm rất cơ bản, hoặc sẽ bị hạn chế trong việc vận dụng tri thức một cách tự giác, tích cực, chủ động và sáng tạo khi không hiểu hoặc không thừa nhận bản chất tri thức dựa trên quan điểm này. Tuy vậy, không nên hiểu tri thức thuần túy theo quan điểm phản ánh luận duy vật, vì nó chỉ đúng trong giới hạn nhất định, trong vấn đề nhận thức luận cơ bản (theo cách nói của V.I.Lênin). Quan niệm tri thức theo phản ánh luận duy vật không thể thay thế cho những góc nhìn khác. Trên thực tế, nhận thức này vẫn chưa nói được gì về chính tri thức trong tương quan, phân biệt với tinh thần, nhận thức nói chung và với rất nhiều dạng thái khác nhau của tinh thần, chưa nêu ra được, dưới hình thức khái quát nhất, sự biểu hiện tri thức trong tính chủ quan là gì. Không thể phủ nhận một điều là, nói chung người ta đã thể hiện rất đúng nội dung “khái niệm” tri thức trong khi sử dụng những khái niệm, từ ngữ khác nhau trong loại của nó. Nhưng đó chưa phải là sự khái quát cao nhất, chưa phải đã đạt được khái niệm chung, khái niệm triết học – nhận thức luận về tri thức.

2. Tri thức là hình thức cao nhất của sự tiến hoá các hình thức phản ánh

Cùng với việc hiểu tri thức theo quan điểm phản ánh luận duy vật mácxít, thì việc hiểu nó với tư cách một hình thức của sự tiến hoá của các hình thức phản ánh, lại là một góc nhìn khác, góc nhìn tiến hoá luận về tri thức. Tuy nhiên, trong các tài liệu hiện có, nhất là các sách giáo khoa “Triết học Mác - Lênin”, cũng

chưa có sự tách riêng tri thức ra để xem xét theo quan điểm này, mà chỉ thể hiện trong quan niệm về nguồn gốc của ý thức nói chung. Nhưng vì tri thức là thành phần của nhận thức, của ý thức, cho nên vẫn có thể thấy trong đó bao hàm quan niệm về tri thức từ góc nhìn tiến hoá luận. Cụ thể là, khi ý thức được chứng minh là hình thức cao nhất của sự tiến hoá của các hình thức phản ánh, từ phản ánh vật lý, hoá học, sinh học đến phản ánh ý thức, thì đương nhiên trong đó đã bao hàm quan niệm về tri thức với tư cách hình thức cao nhất của sự tiến hoá của các hình thức phản ánh. Song, cần thấy rằng, tự nó tri thức và ý thức nói chung không thể tiến hoá; trái lại, chúng chỉ là biểu hiện sự tiến hoá của vật chất có tổ chức cao là bộ não người.

Việc xác định tri thức là hình thức cao nhất của sự tiến hoá của các hình thức phản ánh đã đặt ra yêu cầu là phải hiểu bản chất tri thức cả về mặt lịch sử của nó, tức là quá trình tiến hoá của nó cả về nguồn gốc khách quan lẫn chủ quan. Rõ ràng, không thể hiểu bản chất tri thức chỉ bằng cách gắn nó với một giai đoạn phát triển nhất định của tiến hoá vật chất và thoát ly hoàn toàn khỏi lịch sử của nó. Tuy vậy, quan niệm tri thức là hình thức cao nhất của sự tiến hoá của các hình thức phản ánh vẫn chỉ là sự tiếp cận về một trong những đặc trưng của tri thức, mà chưa phải đã vạch ra được bản chất của nó.

3. Tri thức là kết quả của nhận thức

Việc xem xét tri thức theo quan điểm phản ánh luận không tách rời tiếp cận tri thức theo quan điểm hoạt động. Với việc xây dựng hệ thống quan niệm duy vật về lịch sử, C.Mác là người đầu tiên đã nêu ra quan niệm khoa học coi quá trình tiến

thần của con người là hoạt động khi đặt nó trong nội dung khái niệm “sản xuất tinh thần”(3). Về sau, quan điểm của C.Mác đã được phát triển hơn trong tâm lý học hoạt động, nổi bật là trong các công trình của các nhà tâm lý học Xôviết nổi tiếng, như Vugôtxki và Lêônchiep(4).

Nhận thức của con người dù dưới bất kỳ hình thức nào với mức độ nào, cũng đều là quá trình hoạt động. Theo cơ cấu chung, thì hoạt động nào cũng có yếu tố cuối cùng mang ý nghĩa “khép lại” một chu trình, đó là sản phẩm hay kết quả của nó. Không thể đồng nhất kết quả với quá trình tạo ra nó trong bất kỳ hoạt động nào của con người. Thí dụ, việc người ta đặt ra câu hỏi: “Trái đất có hình gì?”, việc người ta đi tìm câu trả lời cho câu hỏi đó và việc người ta đưa ra được câu trả lời rằng “Trái đất hình cầu”, rõ ràng là hai thành tố khác nhau của hoạt động nhận thức. Cái sau là kết quả và cái trước là quá trình đạt đến cái sau. Tất nhiên, trong quá trình đi đến kết luận “Trái đất hình cầu”, người ta phải vận dụng nhiều tri thức khác như những hiểu biết (tri thức) về “trái”, “đất”, “trái đất”, về “hình”, “cầu” và “hình cầu” v.v.. Những tri thức này cấu thành quá trình nhận thức, sáng tạo ra những tri thức mới, giúp người ta hiểu ra điều là “Trái đất hình cầu”. Nhưng những tri thức ấy khi tách riêng ra, chúng vẫn là kết quả của những quá trình nhận thức đã diễn ra trước đó, còn trong quá trình nhận thức để đạt đến tri thức mới (nhận ra “Trái đất hình cầu”), chúng là những yếu tố cấu thành quá trình ấy, là phương tiện, chứ không phải mục đích. Chính vì không tiếp cận nhận thức theo quan điểm hoạt động, cho nên dễ dẫn đến sự giải thích mang tính chất xoá nhoà ranh giới giữa

tri thức và quá trình nhận thức nói chung, xem tri thức vừa là kết quả, vừa là bản thân quá trình nhận thức. Việc đồng nhất kết quả của quá trình nhận thức với bản thân quá trình ấy có thể biểu hiện rõ sự bế tắc thật sự trong việc làm sáng tỏ bản chất tri thức.

Tri thức là *kết quả* của quá trình nhận thức, đó là điều không thể nghi ngờ. Tại sao phân tích cấu trúc hoạt động lại không thể tách kết quả ra để xem xét, tại sao lại không thấy và thừa nhận kết quả như là thành phần rất xác định của nó? Tại sao lại không thấy kết quả là mục đích mà mọi nỗ lực hoạt động của con người nhằm hướng đến? Và hoạt động con người là gì, có ý nghĩa gì, nếu như người ta không quan tâm đến mục đích, đến kết quả hoạt động của mình?

Tất nhiên, trong quá trình nhận thức, còn có những kết quả, hệ quả khác mà người ta thu nhận được có khi ngoài ý muốn và không phải là tri thức, như các cảm xúc, sự phấn khích hoặc lo lắng, buồn nản, v.v.. Những kết quả này có thể không phải do người ta cố ý tạo nên, nhưng nếu xét chúng trong tương quan với mục đích, xu hướng chung cơ bản của quá trình nhận thức, thì chúng không phải là kết quả tự thân, bên trong của nhận thức. Chỉ có tri thức mới là kết quả thực sự, tất yếu của quá trình nhận thức.

Tri thức không chỉ là kết quả theo nghĩa nó là cái kết thúc của một quá trình nhận thức, mà còn ở chỗ là tiền đề, tiềm năng của quá trình nhận thức và sáng tạo hiện thực mới. Với tư cách sự

(3) Xem: C. Mác và Ph. Ăngghen. *Hệ tư tưởng Đức* trong *Toàn tập*, t.3. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995.

(4) Xem: Phạm Minh Hạc. *Tâm lý học Vugôtxki*, t.1. Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1998; A.N. Lêônchiep. *Hoạt động, ý thức, nhân cách*. Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1989.

kết thúc của một quá trình, tri thức là sự phản ánh khách thể nhận thức, đồng thời còn là sự biểu hiện, kết tinh toàn bộ quá trình nhận thức, ý thức, liên quan đến những quá trình bên trong, bên ngoài của nhận thức, mà bằng cách riêng của nhận thức, những quá trình đó được “chưng cất” lại trong tri thức. Về mặt này, tri thức là một dạng thái tinh thần biểu hiện toàn bộ đời sống người, tính người của con người. Nhưng mặt khác, “quả” phải chứa đựng trong nó những yếu tố tiềm năng, mầm mống của “cây mới” thì mới là quả thực sự, sản phẩm chỉ là sản phẩm thực sự khi nó có khả năng đáp ứng nhu cầu nào đó của con người. Nhờ kết tinh toàn bộ quá trình nhận thức và hiện thực, tri thức mang những tiềm năng, khả năng cho quá trình nhận thức và sáng tạo ra hiện thực mới. Cho nên, tri thức không tồn tại trong trạng thái tĩnh, mà ở trong trạng thái động, một quá trình sinh sôi không ngừng.

Như vậy, nhận thức như là con đường kết tinh toàn bộ hoạt động của con người trong tri thức, cũng giống như các quá trình tâm lý, tinh thần khác, đều là những quá trình mà trong đó toàn bộ hoạt động sống của con người kết tinh trong những kết quả tương ứng của chúng.

4. Tri thức với tư cách là thông tin

Quan niệm tri thức, sự phản ánh ở giới tự nhiên hữu sinh nói chung, là thông tin cũng đã được quan tâm nghiên cứu từ lâu. Có thể thấy rõ điều này trong *Thông tin xã hội và quản lý xã hội*(5) của tác giả Nga - V.G.Afanaxep, *Lý luận phản ánh của Lênin dưới ánh sáng của sự phát triển khoa học và thực tiễn*(6). Các tác giả của những công trình nói trên xem xét thông tin không tách rời phản ánh, hoạt động điều khiển và tự điều khiển và cho

rằng, thông tin không thể có trong thế giới vô sinh. Afanaxep cho rằng, ông “ngiên về quan niệm xem thông tin là phản ánh, là tri thức được sử dụng trong thực tiễn, trong quản lý”(7).

Như mọi vật mang thông tin, bộ não con người mang, lưu giữ tri thức không phải để cố định chúng trong trạng thái đã xong xuôi, kết thúc, hoặc thậm chí trong trạng thái chết, mà là để chuẩn bị, đem lại, cung cấp cho những yêu cầu, hoạt động mới của con người. Chỉ với ý nghĩa ấy, tri thức mới tồn tại với nghĩa là thông tin và cũng chỉ nhờ vậy, bộ óc con người mới trở thành vật mang thông tin là tri thức. Tuy nhiên, với tư cách là thông tin, tri thức khác với những hình thức thông tin tinh thần, vật chất khác. Tri thức không đem lại những thông tin về các cảm xúc, ý chí, niềm tin và khát vọng của con người. Mặt khác, những xúc cảm của con người cũng là những thông tin, nhưng chúng không trực tiếp đem lại tri thức. Tuy vậy, thông tin tri thức và thông tin tình cảm không tách rời nhau. Thí dụ, nhìn thấy một người gặp cảnh ngộ bi đát, đau thương, chúng ta cũng cảm thấy đau đớn. Nhưng tri thức không đem lại chính sự đau đớn ấy, mà chỉ cho chúng ta biết những “dấu hiệu” của sự đau thương, như sự buồn bã trên nét mặt, sự quẩn quai, kêu rên... của người có cảnh ngộ ấy. Còn sự đau đớn của chúng ta không bắt nguồn chủ yếu từ sự nhận ra những dấu hiệu

(5) Xem: V.G. Afanaxep. *Thông tin xã hội và quản lý xã hội*. Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1979.

(6) Xem: Viện hàn lâm khoa học Liên Xô và Viện hàn lâm khoa học Bungari. *Lý luận phản ánh của Lênin dưới ánh sáng của sự phát triển khoa học và thực tiễn*. Nxb Khoa học và Nghệ thuật, Xôphía, 1981 (Tiếng Nga).

(7) V.G. Afanaxep. *Thông tin xã hội và quản lý xã hội*, *Sđd.*, tr.40.

ấy, mà là từ chính cái tình cảnh của đối tượng mà những dấu hiệu nói trên đã đụng chạm đến và làm rung động cái lương năng(*) bên trong của chúng ta.

Thông tin - tri thức là thông tin sống, có khả năng sinh sôi không ngừng. *Một mặt*, nó không ngừng được nạp thêm, làm đầy thêm về khối lượng, loại hình, dung lượng từ môi trường; *mặt khác*, không ngừng truyền vào môi trường. Trong cả hai quá trình ấy, thông tin tri thức vẫn có thể vừa là sự nạp thêm, vừa là sự mất đi, vừa cung cấp và vừa sửa chữa, điều chỉnh. Đây là quá trình đặc biệt của thông tin tri thức.

Thông tin là đặc tính vốn có của tri thức và không thể phủ nhận được đặc tính ấy của tri thức. Tuy vậy, như đã nói, thông tin có trong nhiều tổ chức vật chất, trong các hệ thống điều khiển, tức là ở cả con người lẫn các loài thực vật, động vật. Vì thế, nếu chỉ hiểu tri thức là thông tin thì cũng chưa nói rõ được bản chất của nó, dù rằng ở con người thông tin tri thức mang tính chất sâu sắc, cao hơn về khối lượng, dung lượng hoặc có phương thức biểu hiện đặc thù. Song, việc nắm được đặc trưng này cho thấy rõ hơn tính nhiều mặt của tri thức và cũng góp phần làm sáng tỏ hơn, toàn diện hơn bản chất tri thức.

5. Tri thức là sự biểu hiện, khẳng định bản chất con người

Đây là sự tiếp cận con người, tiếp cận văn hóa về tri thức. Vì thế, câu hỏi trước tiên phải được đặt ra và giải đáp là: “Con người là gì?”. Dĩ nhiên, lời giải đáp ở đây sẽ không thể là bất kỳ định nghĩa, quan niệm nào về con người, mà là sự giải đáp sao cho toàn bộ những luận giải về tri thức phù hợp với nội dung của nó. Nhiệm vụ của nhận thức khoa học không phải là đưa ra những định nghĩa duy nhất đúng

cho mọi thời đại. Điều đó càng đúng đối với khoa học về con người.

Trong truyền thống tư tưởng phương Đông và phương Tây đã xuất hiện những cách quan niệm khác nhau về bản chất con người. Trong sâu thẳm triết lý đạo Phật, con người chính là kẻ làm chủ được bản thân và do đó, làm chủ được hoàn cảnh xung quanh mình. Mặc dù chủ trương, quan niệm về làm chủ này về căn bản, thiếu tính tích cực, tức là bằng con đường “tu hành”, nhưng đạo Phật đã cho thấy tính chủ thể của con người chỉ có thể có được bằng cách khắc phục được vô minh, cái được coi là nguyên nhân của mọi lỗi lầm, tai họa. Còn Nho giáo thì hiểu rằng, một trong những phẩm chất chủ yếu nhất của người quân tử chính là trí. Ngay từ thời cổ đại, Aristot đã “định nghĩa”: “con người là động vật chính trị” và thấy rằng con người sở dĩ cao hơn con vật là vì nó có “linh hồn, tư duy và nghệ thuật...”. Như vậy, ông hiểu con người là kẻ có thể “làm chủ”, “chi phối” mọi cái trong xã hội và đối với ông, chỉ có con người chính trị mới thực sự là con người. Còn ở Platôn, với ý tưởng xây dựng một nhà nước lý tưởng, ông cho rằng những người cai quản nhà nước ấy phải là những nhà triết học.

Việc giải đáp vấn đề bản chất con người chỉ thực sự có được câu trả lời rõ ràng từ thời đại Phục hưng trở đi, khi con người chứng tỏ khả năng làm chủ của mình đối với những sức mạnh to lớn của tự nhiên, xã hội và bản thân thể hiện qua nhiều những phát minh, sáng chế, nhất là với sự ra đời của nền đại công nghiệp. Làm chủ là việc con người “sai khiến” được những quá trình, điều kiện bên

(*) Có thể hiểu cái “lương năng” như là “lòng trắc ẩn” trong triết lý về “tính thiện” của Mạnh Tử.

trong cũng như bên ngoài, “bắt” chúng phục tùng mục đích của mình. Vì vậy, thời đại Phục hưng định nghĩa con người là “cá nhân độc lập và tự do”, “là cá nhân suy nghĩ một cách tự do và được ban tặng một trí tuệ riêng”(8). Tính độc lập, tự do của cá nhân là sự thể hiện tính chủ thể của nó và trí tuệ là cái làm nên, đặc trưng cho tính độc lập - chủ thể ấy. Trong các hệ thống triết học của mình, cả I.Kant và Ph.Hêghen đều nhận thấy tự do là một thuộc tính cơ bản, vốn có của con người, là biểu hiện rõ ràng tính chủ thể của con người và đối với hai ông, tự do không tách rời hiểu biết. Kế thừa và vượt lên trên những thành tựu mà khoa học trong quá khứ đã đạt được về con người, C.Mác khẳng định: “Có thể phân biệt con người với súc vật, bằng ý thức, bằng tôn giáo, nói chung bằng bất cứ cái gì cũng được. Bản thân con người bắt đầu bằng tự phân biệt với súc vật ngay khi con người bắt đầu *sản xuất ra* những tư liệu sinh hoạt của mình”(9). Luận điểm của C.Mác nhấn mạnh cơ sở duy vật của toàn bộ nhận thức triết học về lịch sử, đồng thời gián tiếp khẳng định rằng nhờ hiểu biết, con người đã tạo ra giới tự nhiên thứ hai, tạo ra lịch sử của mình, trong đó con người là chủ thể.

Thời đại ngày nay với rất nhiều những thành tựu vĩ đại trong khám phá, biến đổi tự nhiên, kinh tế, xã hội đã chứng tỏ trước hết vai trò vô cùng to lớn của tri thức khoa học trong sự khẳng định tính chủ thể của con người. Trong khi sáng tạo ra lịch sử của mình, con người cũng đồng thời xác lập *bản chất chủ thể* của mình. Tính chủ thể của con người là đặc trưng tính người căn bản của nó và tri thức chính là sự biểu hiện, khẳng định rõ ràng nhất tính chủ thể con người về mặt tinh thần. Như vậy, tiếp cận bản chất tri thức

từ góc nhìn con người, góc nhìn văn hóa đã cho thấy tri thức là một yếu tố căn bản khẳng định, biểu hiện tính người - tính chủ thể của con người về mặt tinh thần.

Việc trình bày những đặc trưng của tri thức trên đây hẳn là chưa nói hết được tất cả những thuộc tính, những mặt, quá trình khác nhau của tri thức. Song, có thể xem đó là những đặc trưng cơ bản của tri thức, vì chúng được vạch ra gắn liền với những cách tiếp cận, quan điểm xem xét vốn có và khá phổ biến như đã thấy. Những đặc trưng của tri thức được nêu lên và phân tích đã cho thấy tính chất nhiều mặt, nhiều chiều, rất đa dạng của tri thức vốn là một đối tượng nghiên cứu hết sức phức tạp. Điều đó cũng cho thấy rõ ràng không thể tiếp cận tri thức, bản chất tri thức chỉ bằng một hoặc một số quan điểm, phương pháp, nhất là không được quan niệm về tri thức từ một góc nhìn duy nhất nào đó. Tuy vậy, như đã nói, việc xem xét những đặc trưng của tri thức chưa có nghĩa là định nghĩa khái niệm tri thức về phương diện triết học, trong khi đây lại là vấn đề cấp thiết của nhận thức và thực tiễn hiện nay. Vì vậy, chúng tôi coi việc xem xét toàn diện những đặc trưng của tri thức là cần thiết để hiểu được, hiểu đúng bản chất tri thức, làm tiền đề cho việc đi đến nắm bắt bản chất tri thức. Và nếu như mỗi đặc trưng của tri thức được chỉ ra trên đây gắn liền với một quan điểm tiếp cận xác định, thì việc xây dựng khái niệm triết học về tri thức chắc chắn sẽ liên quan đến quan điểm tiếp cận mới. Đó có thể là sự phức hợp, tổng hợp của những quan điểm trên. □

(8) *Những vấn đề triết học văn hoá*. Nxb “Tu tưởng”, Mátxcơva, 1984, tr.12-14 (Tiếng Nga).

(9) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Toán tập*, t.3. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr.29.